

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 750/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển Giáo dục
mầm non giai đoạn 2020 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005, Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 25/11/2005;

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non (GDMN) giai đoạn 2018 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ -UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 422/TTr-SGDĐT ngày 07/5/2020 về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2020 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; đề nghị Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh; đề nghị Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan và Chủ

tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh,
Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP(KGVX), KT, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXbthm205

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Triển khai Đề án phát triển Giáo dục mầm non
giai đoạn 2020 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

*(Kèm theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 22 / 5 /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

A. Đánh giá thực trạng giáo dục mầm non (GDMN) trên địa bàn tỉnh

I. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

- Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền ngày càng sâu sát, hiệu quả. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương; các bậc cha mẹ học sinh đã quan tâm hỗ trợ, chăm lo tốt hơn cho sự nghiệp GDMN.

- Các địa phương trong tỉnh tập trung chỉ đạo, ưu tiên bố trí quỹ đất; đã kết hợp các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường, lớp học theo hướng kiên cố và đạt chuẩn, gắn với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp cho cấp học mầm non đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn có trường, lớp mầm non; đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đầu tư chất lượng đã tạo điều kiện thuận lợi cho GDMN phát triển.

- Công tác phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi hoàn thành, tạo điều kiện thuận lợi cho GDMN phát triển.

- Chuyển đổi 100% trường mầm non bán công sang công lập và được nhà nước đầu tư về cơ sở vật chất (CSVC), theo đó giáo viên mầm non bán công được tuyển dụng vào biên chế, với tỷ lệ giáo viên biên chế hiện nay là 71,9%; Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên không ngừng được nâng lên, tỷ lệ đạt trên chuẩn trình độ đào tạo tăng hàng năm đã tạo thuận lợi trong thực hiện nhiệm vụ GDMN.

- Sự nỗ lực của các cơ sở GDMN và sự phấn đấu nêu cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong việc mở rộng quy mô và xây dựng các nhân tố bền vững để nâng cao chất lượng đã góp phần quan trọng trong việc thu hút trẻ đến trường và phát triển GDMN.

- Nhà nước đã ban hành các chế độ, chính sách ưu tiên cho giáo viên, học sinh mẫu giáo vùng khó khăn, động viên giáo viên, tạo điều kiện cho trẻ mẫu giáo vùng khó khăn đến trường.

2. Khó khăn

- Mạng lưới trường mầm non ở một số địa phương, nhất là khu vực miền núi khó khăn còn phân tán, nhiều trường mầm non có diện tích hẹp, phòng học chưa đảm bảo đúng quy cách và diện tích cho trẻ sử dụng, nhiều điểm lẻ, nhiều lớp ghép.

- Hiện nay nhu cầu gửi con đến nhà trẻ, mẫu giáo của phụ huynh ngày càng cao, nhưng CSVC và đội ngũ giáo viên không đủ để đáp ứng vì vậy còn nhiều trường hợp phụ huynh không có nơi để gửi con, nhất là trẻ độ tuổi nhà trẻ, tỷ lệ trẻ nhà trẻ ra lớp của toàn tỉnh (*đa số huyện*) còn thấp; tỷ lệ trẻ mẫu giáo ra lớp ở một số huyện đồng bằng chưa đạt chỉ tiêu.

- Đội ngũ giáo viên và nhân viên tại các trường mầm non còn thiếu nên ảnh hưởng đến việc nhận trẻ đến trường và chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN.

- Chế độ của nhân viên nấu ăn không có quy định cụ thể, các địa phương trong tỉnh thực hiện khác nhau, không đảm bảo, không ổn định, lực lượng này khó an tâm công tác, ảnh hưởng đến công tác nuôi trẻ trong trường mầm non bán trú tập trung; đối với những trường thuộc vùng khó khăn không có nguồn chi trả lương cho nhân viên nấu ăn phải tổ chức bán trú dân nuôi, chất lượng bữa ăn không đảm bảo ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ.

- Một số nơi còn phòng tạm chưa đảm bảo yêu cầu và thiếu phòng học trẻ phải học ở phòng nhờ, mượn; thiếu CSVC và trang thiết bị dạy học, chưa đáp ứng được yêu cầu cho trẻ học bán trú và 2 buổi/ngày.

II. Thực trạng (số liệu thời điểm tháng 01/2019)

1. Quy mô phát triển mạng lưới trường, lớp

- Toàn tỉnh có 216 trường (193 trường công lập, 23 trường tư thục), ngoài ra, có 01 trường 02 cấp học (trường Mầm non-Tiểu học Việt Úc), có 669 điểm trường. Ở các huyện miền núi và hải đảo có 76 trường mẫu giáo, mầm non (hải đảo 03 trường).

- Tổng số nhóm, lớp: 2031 nhóm lớp (339 nhóm trẻ, 1692 lớp mẫu giáo).

- Tổng số trẻ mầm non ra lớp: 57.649/119.094 trẻ trong độ tuổi, đạt tỷ lệ 48,41%, trong đó: Trẻ nhà trẻ: 7.461/58.081, tỷ lệ 12,85%; Trẻ mẫu giáo: 50.188/61.013, tỷ lệ 82,26%. Riêng mẫu giáo 5 tuổi 20.565/20.594 đạt tỷ lệ

99,9%. Trong đó, trẻ em trong các cơ sở GDMN ngoài công lập là 9.509/57.649 trẻ ra lớp, tỷ lệ 16,49%; riêng trẻ mẫu giáo ngoài công lập 6.391/50.188, tỷ lệ 12,73%.

2. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ

- Trường bán trú: 187/216 trường, đạt tỷ lệ 86,57%; Số nhóm, lớp bán trú: 1.797/2031, tỷ lệ: 88,5%; Số trẻ học bán trú: 49.520/57.649 cháu, tỷ lệ 85,9%.

- Số nhóm, lớp học 2 buổi/ngày: 2.029/2.031, tỷ lệ 99,9%; Số trẻ học 2 buổi/ngày 57.599/57.649, tỷ lệ 99,91%; Riêng trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày 100%.

- Tỷ lệ cháu suy dinh dưỡng (*so với đầu năm học*): Thê nhẹ cân: 3,9% (giảm 2,07%); thê thấp còi: 5,7% (giảm 1,1%); thừa cân, béo phì: 2% (giảm 0,47%).

3. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non

Toàn tỉnh có 4.077 CBQL và giáo viên, trong đó:

- Cán bộ quản lý: Tổng số 418 (Hiệu trưởng: 129; Phó Hiệu trưởng: 174), biên chế 385/418, tỷ lệ 92,10% (công lập đạt 100%), ngoài biên chế 33 (ngoài công lập 100%). Trình độ đào tạo: Đạt chuẩn 418/418, tỷ lệ 100%; trên chuẩn 399/418, tỷ lệ 95,45%.

- Giáo viên: Tổng số 3.659 (674 giáo viên nhà trẻ, 2.985 giáo viên mẫu giáo), trong đó, biên chế 2.632/3.659 chiếm tỷ lệ 71,9%, hợp đồng 1.027 (công lập 275/1.027 GV hợp đồng, tỷ lệ 26,77% (275/2.907 giáo viên công lập, tỷ lệ hợp đồng trong công lập 9,46%); ngoài công lập 752 GV). Tỷ lệ giáo viên/lớp bình quân 1,8 (nhà trẻ 1,99; mẫu giáo 1,76).

+ Trình độ đào tạo: Đạt chuẩn 3.659/3.659, tỷ lệ 100%; trong đó, trên chuẩn: 2.487/3.659, tỷ lệ: 68%.

+ Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định mức khá trở lên (*cuối năm học 2017 – 2018*): 2.768/3.659 giáo viên đạt tỷ lệ 75,65%, có 891/3.659 giáo viên xếp loại trung bình, tỷ lệ 24,35%, không có giáo viên xếp loại kém.

- Các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm, khen thưởng và các quyền lợi khác cho giáo viên mầm non ngoài công lập ngày càng được quan tâm, từng bước được cải thiện.

4. Tình hình cơ sở vật chất, trường lớp, đồ dùng-đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu:

- Tổng số phòng học: 2.022 phòng/2.031 nhóm, lớp, tỷ lệ 99,56%; trong đó:

+ Phòng học kiên cố: 1.444 phòng, tỷ lệ: 71,4%.

+ Phòng học bán kiên cố: 572 phòng, tỷ lệ: 28,3%.

+ Phòng tạm: 06, tỷ lệ 0,3%

- Số phòng thiếu phải học nhờ, mượn: 09 phòng, tỷ lệ: 0,44%.

- Tổng số điểm trường có sân chơi cho trẻ: 634/669 điểm trường (gồm điểm chính và điểm lẻ), tỷ lệ 94,76%; trong đó, có 460/634 sân có đồ chơi ngoài trời đạt tỷ lệ 72,5.

- 100% trường mầm non có trang bị đủ vi tính phục vụ công tác quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ và có kết nối internet.

- Tổng số bộ đồ dùng-đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu (gọi chung là bộ thiết bị tối thiểu): Toàn tỉnh có 1.448 bộ thiết bị tối thiểu/2.031 nhóm, tỷ lệ 71,29%; trong đó nhóm trẻ 13-24 tháng có 17 bộ/30 nhóm, 25-36 tháng có 160 bộ/309 nhóm, mẫu giáo 3 tuổi có 187 bộ/326 lớp, mẫu giáo 4 tuổi có 251 bộ/450 lớp, mẫu giáo 5 tuổi có 833 bộ/833 lớp (296 lớp ghép và 537 lớp đúng độ tuổi); ngoài ra, còn có 83 lớp mẫu giáo ghép 2 độ tuổi (3 và 4 tuổi) chưa có thiết bị tối thiểu.

- Đa số các chi tiết trong bộ thiết bị tối thiểu là đồ dùng đơn giản không có tính năng sử dụng lâu bền (chất liệu chủ yếu bằng giấy, nhựa mỏng, vải) nên trong giai đoạn 6 năm (2020-2025) đều phải mua sắm lại.

- Số lượng trường đạt chuẩn Quốc gia: 83/216, tỷ lệ: 38,42%. Tuy nhiên, đến 31/12/2018 chỉ còn 65/216 trường trong thời hạn 5 năm, tỷ lệ 31%.

5. Kiểm định chất lượng giáo dục

Đến cuối năm học 2018-2019, có 207/215 trường mầm non đủ điều kiện hoàn thành tự đánh giá 100%; có 36/216 trường mầm non được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, tỷ lệ 16,66%.

6. Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi (PCGDMNTNT)

- 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi;

- 100% huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi: 14/14, tỷ lệ: 100%.

- Toàn tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi vào tháng 6/2016 (*Quyết định số 5601/QĐ-BGDĐT ngày 25/11/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*); Hàng năm tỉnh đều kiểm tra duy trì đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận lại.

B. Nội dung Kế hoạch

I. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm

- Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố căn bản về nhân cách cho trẻ em trước khi vào lớp một. Việc chăm lo phát triển giáo dục mầm non, bảo đảm mọi trẻ em được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng, công bằng và bình đẳng là trách nhiệm của các cấp, các ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội.

- Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển giáo dục mầm non; ban hành cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi tổ chức, cá nhân tham gia phát triển giáo dục mầm non, ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục mầm non ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu tập trung đông dân cư.

- Mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục mầm non đổi mới theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em, bảo đảm liên thông, gắn kết với giáo dục phổ thông.

- Tăng cường phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; coi trọng và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho các bậc cha mẹ và cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Đa dạng hóa các phương thức, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non trong khu vực và quốc tế; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào học lớp một; phát triển giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi.

b) Mục tiêu cụ thể

b.1) Năm 2020

- Về quy mô, mạng lưới trường, lớp: Mạng lưới trường lớp được củng cố mở rộng, đủ năng lực huy động trẻ em đến trường, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập. Phấn đấu đến năm 2020, có ít nhất 30%

trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 92% trẻ em độ tuổi mẫu giáo, trong đó hầu hết trẻ mẫu giáo 5 tuổi được đến trường, tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm từ 20% trở lên.

- Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ: Năm 2020, phần đầu có 100% nhóm, lớp mầm non được học 2 buổi/ngày; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân - béo phì được khống chế.

- Về đội ngũ giáo viên: Năm 2020, có ít nhất 75 % giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên.

- Về cơ sở vật chất trường lớp: Bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/lớp (nhóm); tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 75%; có ít nhất 42,3% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Về kiểm định chất lượng giáo dục: Năm 2020, có 100% trường mầm non hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 45% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

- Về phổ cập giáo dục mầm non: Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi.

b.2) Năm 2021 - 2025

- Về quy mô, mạng lưới trường lớp: Phát triển mạng lưới trường lớp mầm non, bảo đảm đến năm 2025, huy động được ít nhất là 35% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, 95 trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường. Tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm từ 25% trở lên.

- Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ: Đến năm 2025, duy trì 100% nhóm, lớp mầm non được học 2 buổi/ngày; duy trì tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân - béo phì được khống chế.

- Về đội ngũ giáo viên: Phần đầu đến năm 2025, đủ số lượng giáo viên mầm non theo quy định, 100% giáo viên mầm non đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 85% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên.

- Về cơ sở vật chất, trường lớp: Phần đầu đến 2025, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 85%; có ít nhất 50% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; có ít nhất 60% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

- Về phổ cập giáo dục mầm non: Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

II. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Thực hiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non

a) Triển khai đảm bảo cơ chế phát triển GDMN trên địa bàn tỉnh; quy định khung học phí cho GDMN trong tỉnh phù hợp; thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với trẻ và giáo viên mầm non trong tỉnh theo quy định hiện hành.

b) Thực hiện đảm bảo chính sách phát triển GDMN cho các xã đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu tập trung đông dân cư.

c) Triển khai thực hiện tốt các văn bản quy phạm pháp luật quy định hoạt động và quản lý chất lượng GDMN.

d) Thực hiện chuyển đổi một số cơ sở GDMN công lập thành ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa.

e) Thực hiện rà soát, đánh giá về chế độ làm việc của giáo viên mầm non, định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập tiến tới đảm bảo đủ vị trí và số lượng người làm việc đúng quy định hiện hành.

2. Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục mầm non

a) Ưu tiên ngân sách chi cho các hoạt động của GDMN trong phạm vi ngân sách được giao theo phân cấp.

b) Huy động nguồn lực, lồng ghép kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo bền vững, các chương trình dự án khác và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho GDMN nhằm bảo đảm các điều kiện thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp GDMN.

c) Khuyến khích đầu tư phát triển GDMN ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

3. Đổi mới công tác quản lý giáo dục mầm non

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc phát triển GDMN; đưa mục tiêu phát triển GDMN vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Đổi mới công tác quản lý của các cơ sở GDMN; nâng cao năng lực tự chủ, trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDMN.

c) Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức và giảm tải cho giáo viên mầm non.

d) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý GDMN và trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục mầm non

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cộng đồng, gia đình về vai trò, vị trí của giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong phát triển nguồn nhân lực.

b) Xây dựng kế hoạch thông tin và truyền thông; xây dựng chuyên trang, chuyên mục về giáo dục mầm non trên các phương tiện báo chí.

5. Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục mầm non

a) Chỉ đạo thực hiện các giải pháp để đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình GDMN; phát triển các điều kiện và hoạt động của trường mầm non theo các tiêu chí của trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục, an toàn, lành mạnh, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm.

b) Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường; đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức GDMN; vận dụng các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thực tế tại các cơ sở GDMN trong tỉnh để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; rà soát, đánh giá về chương trình GDMN; từng bước chuẩn bị các điều kiện cần thiết tại các cơ sở GDMN để triển khai thực hiện chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

c) Triển khai tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; hỗ trợ thực hiện chương trình GDMN ở các trường mầm non thuộc xã đặc biệt khó khăn; tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm lớp độc lập tự thực trên địa bàn tỉnh.

d) Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh Tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ và tin học ở những nơi có điều kiện.

e) Triển khai thực hiện bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ chậm phát triển và trẻ em khuyết tật; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật.

6. Nâng cao chất lượng chăm sóc, sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ mầm non

a) Hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non thông qua chế độ chăm sóc dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với giáo dục phát triển vận động.

b) Lựa chọn, chỉ đạo thực hiện điểm, nhân rộng các mô hình điểm phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

c) Huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ của nhà nước để nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; triển khai thực hiện thí điểm Chương trình Sữa học đường tại các huyện miền núi theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

d) Cung cấp tài liệu phổ biến kiến thức và kỹ năng cơ bản về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha mẹ và cộng đồng.

7. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho GDMN

a) Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm mỗi huyện, thị xã, thành phố đều có quy hoạch chi tiết và dành quỹ đất xây dựng cơ sở GDMN phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đáp ứng nhu cầu đưa trẻ đến trường/lớp mầm non.

b) Ưu tiên đầu tư kinh phí xây dựng các cơ sở GDMN công lập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã, huyện thuộc miền núi, hải đảo; đẩy mạnh các giải pháp phát triển trường lớp đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục con công nhân, người lao động ở khu vực có khu công nghiệp, khu đông dân cư.

c) Bảo đảm yêu cầu kiên cố hóa trường lớp và đủ 1 phòng/lớp: Xóa phòng học bán kiên cố xuống cấp, phòng học tạm, nhờ, mượn. Đầu tư xây dựng mới, bổ sung các hạng mục công trình theo quy định theo hướng đạt chuẩn về cơ sở vật chất.

d) Bổ sung đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các nhóm, lớp.

8. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non

a) Tiến hành rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục mầm non để sắp xếp, bố trí lại đảm bảo yêu cầu đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

b) Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN.

c) Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non cốt cán; bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, chuẩn hiệu trưởng, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cán bộ quản lý, giáo viên mầm non. Chú trọng bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao năng lực thực tiễn cho giáo viên.

9. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non

a) Huy động các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước tham gia phát triển GDMN.

b) Thực hiện nghiêm túc các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở GDMN phục vụ nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ của công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp và của người dân ở những nơi tập trung đông dân cư.

c) Khuyến khích thực hiện cơ chế đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) để phát triển cơ sở vật chất cho GDMN; khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập các cơ sở GDMN ngoài công lập; tạo điều kiện thuận lợi trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất; chuyển một số cơ sở GDMN công lập sang ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

d) Khuyến khích xã hội hóa việc xây dựng và phát triển trường mầm non chất lượng cao.

e) Thực hiện đồng bộ các giải pháp xã hội hóa giáo dục, tạo hành lang pháp lý và môi trường đầu tư thông thoáng để khuyến khích và thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển GDMN.

10. Tăng cường hợp tác quốc tế và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non

a) Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để phát triển GDMN.

b) Tranh thủ các nguồn hỗ trợ từ các chương trình, dự án để tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn các kỹ năng, các nội dung về chăm sóc và phát triển trẻ em, hướng tới hợp tác quốc tế trong việc chăm sóc và phát triển trẻ em.

c) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về GDMN, nhất là trong đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non cốt cán của ngành.

III. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch từ các nguồn:

- Ngân sách nhà nước: Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các dự án ODA, vốn trái phiếu Chính phủ) được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các sở, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

- Vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của kế hoạch thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh.

IV. Lộ trình thực hiện Kế hoạch

1. Năm 2020: Củng cố, từng bước mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non; bảo đảm cơ bản đủ về số lượng đội ngũ giáo viên, số phòng học và cơ sở vật chất tối thiểu đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ; tiếp tục thực hiện chính sách đối với giáo viên và trẻ mầm non.

2. Năm 2021 - 2025: Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non; bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, hướng tới đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thay thế Chương trình Giáo dục mầm non hiện hành.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu, triển khai thực hiện những nội dung của kế hoạch.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan đảm bảo nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất; đội ngũ; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho giáo viên và trẻ em theo các quy định hiện hành.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và giai đoạn; tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp, cân đối vốn đầu tư phát triển từ các chương trình, dự án, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để bố trí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo nội dung kế hoạch được duyệt.

Hỗ trợ, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện đúng cơ chế, chính sách thủ tục trong lĩnh vực xã hội hóa giáo dục, trong đó có giáo dục mầm non.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối bố trí kinh phí sự nghiệp giáo dục đối với nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh để thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền cân đối nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách tỉnh để thực hiện gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, các đề án có liên quan được phê duyệt; kiểm tra, thanh tra tài chính theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách.

4. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các cơ chế, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục mầm non.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong việc bố trí đủ giáo viên mầm non theo quy định; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định hiện hành. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với CBQL, giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Y tế

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình tiêm chủng, phòng bệnh cho trẻ em; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và hoàn thiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình.

6. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chính sách xã hội khác đối với giáo viên và trẻ mầm non.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình đầu tư theo mục tiêu phát triển giáo dục mầm non để triển khai thực hiện trong Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, trình UBND tỉnh.

7. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong quá trình tổ chức thực hiện, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch về những nội dung liên quan đến nhà trẻ, mẫu giáo ở các khu kinh tế, khu công nghiệp; xây dựng mô hình quản lý và cơ chế vận hành cơ sở giáo dục mầm non trong các thiết chế của công đoàn theo Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”.

8. Đề nghị Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ toàn diện, đặc biệt các trẻ, nhóm trẻ ngoài nhà trường; tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Hỗ trợ phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức, đoàn thể, Hội khuyến học

Tham gia tích cực phát triển giáo dục mầm non, vận động trẻ em đến cơ sở giáo dục mầm non; tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ đến từng gia đình.

10. Ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cha mẹ trẻ là người dân tộc thiểu số về phát triển giáo dục mầm non; Tham mưu thực hiện các chế độ chính sách dân tộc ở địa phương đối với cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và trẻ em; kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án để chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn.

b) Chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch mạng lưới, xây dựng các cơ sở giáo dục mầm non, kế hoạch đào tạo giáo viên, huy động trẻ mầm non đến trường cho từng giai đoạn trên địa bàn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; rà soát, sắp xếp các điểm trường theo hướng thu gọn đầu mối; đảm bảo thuận lợi cho nhân dân đưa trẻ đến trường và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng miền, địa phương; chuyển đổi một số cơ sở giáo

dục mầm non công lập thành ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa.

c) Chỉ đạo thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ việc triển khai chương trình giáo dục mầm non; có chính sách ưu đãi nhằm phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn; bảo đảm bố trí ngân sách chi cho giáo dục mầm non theo đúng quy định hiện hành.

d) Rà soát và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với giáo viên ở các loại hình cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn theo đúng quy định của nhà nước; bố trí đủ định mức giáo viên mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập theo quy định.

đ) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non công lập xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục mầm non; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về các thủ tục để các nhà đầu tư tham gia phát triển trường, lớp mầm non./.